

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Chương trình đào tạo Trình độ Cao đẳng
Nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT

Căn cứ Nghị định số 143/2016/NĐ-CP, ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 4507/QĐ-BGD&ĐT, ngày 18 tháng 08 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật thuộc ĐHTN;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/BLĐTBXH, ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH quy định về Điều lệ trường Cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH, ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; Tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ kết quả thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí - Trình độ cao đẳng ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo - QLKH&HTQT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Trình độ Cao đẳng Nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí - Mã nghề: 6510201.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng Phòng ĐT-QLKH&HTQT, Trưởng Khoa Cơ khí, Kế toán trưởng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, P. ĐT-QLKH&HTQT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

PGS. TS. Nguyễn Văn Bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1172/QĐ-CDKTKT-ĐT ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật)

Ngành, nghề: Công nghệ kỹ thuật cơ khí

Mã ngành, nghề: 6510201

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Thời gian khóa học: 2,5 năm.

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Công nghệ kỹ thuật cơ khí là một ngành học trang bị cho người học kiến thức về chính trị - xã hội – kiến thức chuyên môn về công nghệ kỹ thuật cơ khí. Để người học sau khi tốt nghiệp trình độ Cao đẳng có thể thực hiện được việc gia công trên các máy công cụ vạn năng, máy công cụ CNC, cũng như vận dụng kiến thức về kỹ thuật cơ khí, công nghệ chế tạo máy trong thiết kế chi tiết máy, lập trình CNC bằng CAD/CAM, kiểm soát chất lượng của quá trình, giám sát hoạt động của thiết bị trong chế tạo các sản phẩm, đảm bảo các yêu cầu về năng suất, chất lượng và giá thành trong các phân xưởng hoặc dây chuyền sản xuất cơ khí.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo kỹ sư thực hành về công nghệ kỹ thuật cơ khí trình độ cao đẳng có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe, có năng lực làm việc tốt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Kiến thức:

Vận dụng kiến thức lý thuyết trong việc giải quyết các vấn đề:

- + Phân tích nguyên lý hoạt động, của hệ thống thiết bị cơ khí.
- + Lập qui trình công nghệ chế tạo chi tiết máy.
- + Lập qui trình sản xuất thiết bị cơ khí.
- + Lập kế hoạch đo lường sản phẩm.
- + Phân tích chức năng làm việc của máy và thiết bị cơ khí.
- + Phân tích được tình trạng hoạt động của máy và thiết bị cơ khí.
- + Phân tích trình tự kiểm soát chất lượng sản phẩm và quá trình chế tạo.
- + Xác định được quy trình bàn giao ca, ghi nhật ký công việc.
- + Xác định được các tiêu chuẩn an toàn lao động.

- Kỹ năng:

Thực hiện thành thạo các công việc:

- + Lựa chọn máy gia công phù hợp để gia công chi tiết máy.
- + Tính, chọn chế độ cắt hợp lý trong gia công chi tiết máy.
- + Tính toán, lựa chọn đồ gá, dụng cụ cắt trong gia công cơ khí.
- + Vận hành máy công cụ vạn năng và máy CNC trong gia công cơ khí.
- + Sử dụng máy tính trong thiết kế cơ khí.

- + Sử dụng máy tính hỗ trợ lập trình CNC.
- + Kiểm tra sản phẩm cơ khí.
- + Thực hiện kiểm soát chất lượng trong chế tạo cơ khí.
- + Giám sát tình trạng hoạt động của máy móc, thiết bị trong phân xưởng cơ khí.
- + Lắp đặt và bảo trì máy móc, thiết bị.
- + Ghi được nhật ký cũng như báo cáo công việc, tiến độ công việc.
- + Thực hiện được các biện pháp vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động.
- + Đọc, hiểu tài liệu tiếng Anh chuyên ngành.
- + Giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Chủ động nắm vững thông tin về nơi làm việc: quy mô, trang thiết bị, nhà xưởng, nội quy, quy định.
 - + Chủ động xác định mục đích, yêu cầu, sản phẩm, nội quy tại doanh nghiệp cũng như phân xưởng.
 - + Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, cần cù chịu khó và sáng tạo trong công việc.
 - + Thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau (doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài)
 - + Chấp hành tốt các qui định pháp luật, chính sách của nhà nước.
 - + Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội qui của cơ quan, doanh nghiệp.
 - + Có trách nhiệm công dân, luôn phấn đấu để hoàn thành nhiệm vụ.
 - + Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.
 - + Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
 - + Đánh giá chất lượng sản phẩm sau khi hoàn thành kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm các vị trí việc tại các cơ sở chế tạo, sửa chữa, kinh doanh và đào tạo liên quan đến lĩnh vực cơ khí như sau:

- Gia công trên máy tiện vạn năng;
- Gia công trên máy phay vạn năng;
- Lập trình gia và công trên máy tiện CNC;
- Lập trình và gia công trên máy phay CNC;
- Giám sát tình trạng thiết bị;
- Kiểm tra sản phẩm cơ khí;
- Kiểm soát chất lượng sản phẩm;
- Thiết kế sản phẩm cơ khí;
- Lắp ráp sản phẩm cơ khí;
- Lắp đặt và bảo trì máy công cụ.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2.276 giờ /96 tín chỉ

- Số lượng môn học, mô đun: 35
- Khối lượng các môn học chung /đại cương: 435 giờ/19 tín chỉ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1841 giờ/77 tín chỉ
- Khối lượng lý thuyết: 704 (giờ); thực hành, thực tập: 1455 (giờ), Thi, kiểm tra: 117 (giờ)

5. Tổng hợp các năng lực của ngành nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản	
1	NLCB – 01	Giao tiếp cơ bản
2	NLCB – 02	Chấp hành mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước
3	NLCB – 03	Triển khai công tác quốc phòng, an ninh ở địa phương
4	NLCB – 04	Rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực
5	NLCB – 05	Sử dụng máy tính, mạng Internet
6	NLCB – 06	Sử dụng tiếng anh giao tiếp cấp độ 2/6
7	NLCB – 07	Làm việc nhóm
II	Năng lực cốt lõi	
8	NLCL – 01	Tiếp nhận và nghiên cứu công việc
9	NLCL – 02	Tổ chức nơi làm việc, thực hiện 5S
10	NLC L – 03	Chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ và tài liệu chuyên ngành
11	NLCL – 04	Thực hiện nhiệm vụ và giải quyết nhiệm vụ phát sinh
12	NLC L – 05	Biện pháp đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường
13	NLCL – 07	Kết thúc ca làm việc
14	NLCL – 08	Chuẩn bị điều kiện gia công, các trang thiết bị, phần mềm,
15	NLCL – 09	Tiện trụ tron (ngắn, dài), trụ bậc, rãnh, tiện cắt đứt
16	NLCL – 10	Khoan, khoét, tiện lỗ trụ (suốt, kín, bậc), tiện côn, tiện ren
17	NLCL - 11	Phay mặt phẳng, mặt bậc, Phay rãnh then
18	NLCL - 12	Phay chi tiết có sử dụng đầu phân độ
19	NLCL - 13	Lập chương trình gia công trên máy tiện, phay CNC
20	NLCL - 14	Nghiên cứu mô hình, phác thảo
21	NLCL - 15	Xây dựng các đối tượng hình học 2D,3D và đường chạy dao cho biên dạng 2D, 3D
22	NLCL - 16	Hiệu chỉnh đường chạy dao, biên dịch đường chạy dao ra chương trình NC
23	NLCL - 17	Kiểm tra, hiệu chỉnh, tối ưu hóa chương trình, nhập và chạy thử chương trình
24	NLCL - 18	Lập kế hoạch đo kiểm và đo chiều dài, đo góc bằng dụng cụ cầm tay
25	NLCL - 19	Đo nhám bề mặt
26	NLCL - 20	Kiểm tra bằng ca líp

27	NLCL - 21	Kiểm tra sai số hình học, vị trí tương quan, kiểm tra các thông số ren
28	NLCL - 22	Đo lường và thu thập dữ liệu
29	NLCL - 24	Khảo sát nguyên lý làm việc của chi tiết máy hoặc đồ gá trên máy công cụ
30	NLCL - 25	Xây dựng bản vẽ phác: bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp và bản vẽ tách chi tiết từ bản vẽ lắp
31	NLCL - 26	Đo các kích thước từ chi tiết mẫu
32	NLCL - 27	Vẽ bản vẽ thiết kế trên máy tính, ghi kích thước và các yêu cầu kỹ thuật cho bản vẽ
33	NLCL - 28	Tra cứu hoặc tính toán các thông số hình học của chi tiết
34	NLCL - 29	Lập kế hoạch lắp đặt và bảo trì
35	NLCL - 30	Lắp đặt và căn chỉnh máy
36	NLCL - 31	Kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng và hiệu chỉnh và bàn giao máy
III	Năng lực nâng cao	
37	NLNC - 01	Lập kế hoạch kiểm soát chất lượng
38	NLNC - 02	Chuẩn bị kiểm soát chất lượng sản phẩm
39	NLNC - 03	Đề xuất về kiểm soát chất lượng
40	NLNC - 04	Tra cứu hoặc tính toán hiệu chỉnh kích thước
41	NLNC - 05	Vẽ, thiết kế sản phẩm 3D có bề mặt phức tạp.
42	NLNC - 06	Lập trình mô phỏng và gia công chế tạo sản phẩm trên máy CNC

6. Nội dung chương trình

Mã MH/MD	Tên môn học, mô đun	Loại giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung/đại cương		19	435	154	254	27
POL121	Chính trị - 1	Lý thuyết	3	45	26	15	4
POL122	Chính trị - 2	Lý thuyết	2	30	13	14	3
LAW121	Pháp luật	Lý thuyết	2	30	17	10	3
PHE121	Giáo dục thể chất	Thực hành	2	60	5	52	3
MIE141	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Thực hành	3	75	36	34	5
GIF131	Tin học	Thực hành	3	75	15	57	3
ENG131	Tiếng Anh - 1	Tích hợp	2	60	21	36	3
ENG122	Tiếng Anh - 2	Tích hợp	2	60	21	36	3

II	Các môn học, mô đun chuyên môn		77	1841	550	1201	90
II.1	Môn học, mô đun cơ sở		22	411	225	156	30
MED241	Vẽ kỹ thuật cơ khí	Lý thuyết	4	75	41	30	4
MEE231	Cơ kỹ thuật	Lý thuyết	3	50	36	10	4
TMT221	Dung sai và KT đo lường	Lý thuyết	2	33	24	6	3
PMT211	Thực hành kỹ thuật đo	Thực hành	1	30	0	27	3
MEN221	Vật liệu cơ khí	Lý thuyết	2	35	22	10	3
SSE221	An toàn lao động	Lý thuyết	2	35	22	10	3
MME221	Kỹ thuật chế tạo phôi	Lý thuyết	2	33	24	6	3
CAD221	AutoCAD	Thực hành	2	60	0	57	3
MTB241	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	Lý thuyết	4	60	56	0	4
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn ngành nghề		42	1025	280	697	48
LTE341	Công nghệ tiện 1	Tích hợp	4	85	35	46	4
LTE332	Công nghệ tiện 2	Tích hợp	3	67	23	40	4
LTE333	Công nghệ tiện 3	Tích hợp	3	67	23	40	4
MTE321	Công nghệ phay 1	Tích hợp	2	45	15	27	3
MTE332	Công nghệ phay 2	Tích hợp	3	67	23	40	4
MTE333	Công nghệ phay 3	Tích hợp	3	67	23	40	4
WET321	Công nghệ hàn	Tích hợp	2	45	15	27	3
MTH321	Công nghệ khoan – khoét – doa – taro	Tích hợp	2	45	15	27	3
MTG321	Công nghệ mài	Tích hợp	2	40	20	17	3
TMC341	Công nghệ gia công CNC 1	Tích hợp	4	90	30	56	4
TMC342	Công nghệ gia công CNC 2	Tích hợp	4	90	30	56	4
TCC331	Công nghệ CAD/CAM 1	Thực hành	3	90	0	86	4
TRM341	Công nghệ sửa chữa bảo trì MCC	Tích hợp	4	92	28	60	4
MET431	Thực tập trải nghiệm tại doanh nghiệp	Thực hành	3	135	0	135	0
II.3	Môn học, mô đun nâng cao		13	405	45	348	12
TCC332	Công nghệ CAD/CAM 2	Thực hành	3	90	0	86	4
TMM331	Công nghệ chế tạo khuôn mẫu	Tích hợp	3	70	20	46	4
TCA331	CAD/CAM/CNC nâng cao	Tích hợp	3	65	25	36	4
MET442	Thực tập tốt nghiệp	Thực hành	4	180	0	180	0
	Tổng cộng		96	2276	704	1455	117

7. Phân kỳ chương trình đào tạo

**PHÂN KỲ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG
NGÀNH NGHỀ: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ**

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Loại giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			Phân theo học kỳ					
				Tổng số	Trong đó		HK I	HK II	HK III	HK IV	HK V	
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận						Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung/đại cương		19	435	154	254	27					
POL121	Chính trị - 1	Lý thuyết	3	45	26	15	4	45				
POL122	Chính trị - 2	Lý thuyết	2	30	13	14	3		30			
LAW121	Pháp luật	Lý thuyết	2	30	17	10	3	30				
PHE121	Giáo dục thể chất	Thực hành	2	60	5	52	3				60	
MIE141	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Thực hành	3	75	36	34	5			75		
GIF131	Tin học	Thực hành	3	75	15	57	3	75				
ENG131	Tiếng Anh - 1	Tích hợp	2	60	21	36	3		60			
ENG122	Tiếng Anh - 2	Tích hợp	2	60	21	36	3			60		
II	Các môn học, mô đun chuyên môn		77	1841	550	1201	90					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở		22	411	225	156	30					
MED241	Vẽ kỹ thuật cơ khí	Lý thuyết	4	75	41	30	4	75				
MEE231	Cơ kỹ thuật	Lý thuyết	3	50	36	10	4	50				
TMT221	Dung sai và KT đo lường	Lý thuyết	2	33	24	6	3	33				
PMT211	Thực hành kỹ thuật đo	Thực hành	1	30	0	27	3	30				
MEN221	Vật liệu cơ khí	Lý thuyết	2	35	22	10	3	35				
SSE221	An toàn lao động	Lý thuyết	2	35	22	10	3		35			

MME221	Kỹ thuật chế tạo phôi	Lý thuyết	2	33	24	6	3	33				
CAD221	AutoCAD	Thực hành	2	60	0	57	3		60			
MTB241	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	Lý thuyết	4	60	56	0	4	60				
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn ngành nghề		42	1025	280	697	48					
LTE341	Công nghệ tiện 1	Tích hợp	4	85	35	46	4		85			
LTE332	Công nghệ tiện 2	Tích hợp	3	67	23	40	4			67		
LTE333	Công nghệ tiện 3	Tích hợp	3	67	23	40	4			67		
MTE321	Công nghệ phay 1	Tích hợp	2	45	15	27	3		45			
MTE332	Công nghệ phay 2	Tích hợp	3	67	23	40	4			67		
MTE333	Công nghệ phay 3	Tích hợp	3	67	23	40	4			67		
WET321	Công nghệ hàn	Tích hợp	2	45	15	27	3			45		
MTH321	Công nghệ khoan – khoét – doa – taro	Tích hợp	2	45	15	27	3			45		
MTG321	Công nghệ mài	Tích hợp	2	40	20	17	3				40	
TMC341	Công nghệ gia công CNC 1	Tích hợp	4	90	30	56	4				90	
TMC342	Công nghệ gia công CNC 2	Tích hợp	4	90	30	56	4				90	
TCC331	Công nghệ CAD/CAM 1	Thực hành	3	90	0	86	4				90	
TRM341	Công nghệ sửa chữa bảo trì MCC	Tích hợp	4	92	28	60	4					92
MET431	Thực tập trải nghiệm tại DN	Thực hành	3	135	0	135	0		135			
II.3	Môn học, mô đun nâng cao		13	405	45	348	12					
TCC332	Công nghệ CAD/CAM 2	Thực hành	3	90	0	86	4				90	
TMM331	Công nghệ chế tạo khuôn mẫu	Tích hợp	3	70	20	46	4				70	
TCA331	CAD/CAM/CNC nâng cao	Tích hợp	3	65	25	36	4					65
MET442	Thực tập tốt nghiệp	Thực hành	4	180	0	180	0					180
	Tổng cộng		96	2276	704	1455	117	466	450	493	530	337

8. Hướng dẫn sử dụng chương trình

Phương thức tổ chức đào tạo: Chương trình đào tạo của nghề Công nghệ kỹ thuật Cơ khí được thực hiện theo phương thức Tích lũy tín chỉ.

8.1. Hướng dẫn việc giảng dạy các môn học chung bắt buộc

Các môn học chung được thực hiện theo quy định bắt buộc của Thông tư 01/2024 của Bộ LĐ-TB&XH về chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học.

8.2. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ

Việc tổ chức thực hiện đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ được thực hiện theo quy định trong Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ và Quyết định số 312/QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 05/04/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc ban hành Quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ (*gọi tắt là Quyết định 312*).

8.3. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Nhà trường bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo.
- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật

8.4. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun

Việc tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun được thực hiện theo quy định trong Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ và Quyết định số 312/QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 05/04/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao

đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc ban hành Quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ (*gọi tắt là Quyết định 312*).

8.5. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

- Việc tổ chức xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo quy định trong Thông tư 04/2022/TT-BLĐTĐ, ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH và Quyết định số 312/QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 05/04/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật.

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng của ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành theo quy định của trường.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

PGS. TS. Nguyễn Văn Bình

